

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG THU THẬP CHỨNG CỨ CỦA NGƯỜI BẢO CHỮA VỚI NGUỒN CHỨNG CỨ LÀ LỜI KHAI, LỜI TRÌNH BÀY

Nguyễn Thành Công¹

Võ Hồng Sơn²

Tóm tắt: Thu thập chứng cứ trong vụ án hình sự là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng và các chủ thể khác có quyền. Thực tiễn hoạt động thu thập chứng cứ của luật sư trong vụ án hình sự hiện còn gặp nhiều khó khăn, cản trở, chưa được pháp luật quy định rõ ràng. Bài viết đi sâu phân tích một số vấn đề về lý luận cũng như thực tiễn hoạt động thu thập chứng cứ của luật sư là lời khai, lời trình bày, từ đó đưa ra một số kiến nghị, giải pháp góp phần hoàn thiện quy định của pháp luật có liên quan.

Từ khóa: Tố tụng hình sự, nguồn chứng cứ, thu thập nguồn chứng cứ là lời khai, lời trình bày.

Nhận bài: 04/5/2022; Hoàn thành biên tập: 09/5/2022; Duyệt đăng: 18/7/2022.

Abstract: Collection of evidence in criminal cases is an activity conducted by procedure-conducting agencies and other competent agencies. Practical collection of evidence conducted by lawyers in criminal cases currently faces many difficulties, obstacles, and it is not clearly regulated. The article profoundly analyzes some theoretical and practical issues of evidence collection conducted by lawyers including testimony, presentation. From that, the author proposes recommendations, solutions for refining relevant legal regulations.

Keywords: Criminal procedure, source of evidence, evidence collection of testimony, presentation.

Date of receipt: 04/5/2022; Date of revision: 09/5/2022; Date of Approval: 18/7/2022.

Chứng cứ là một trong những chế định quan trọng trong Bộ luật Tố tụng hình sự và khoa học pháp lý hình sự. Trong đó, có thể nói lời khai, lời trình bày của người làm chứng; bị hại; nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; người bị tạm giữ trong trường hợp khẩn cấp; người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố; người phạm tội tự thú; người bị bắt, bị tạm giữ; người tố giác, báo tin về tội phạm; người chứng kiến; bị can, bị cáo trong vụ án hình sự là một nguồn chứng cứ quan trọng. Cơ quan điều tra sử dụng các biện pháp nghiệp vụ để lấy lời khai; Hội đồng xét xử có vai trò thẩm định lại giá trị những lời khai đó một lần nữa tại phiên tòa. Do đó, lời khai, lời trình bày của các đối tượng có

giá trị, ý nghĩa hoàn toàn khác nhau trong các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử. Chính vì vậy, sự hình thành lời khai, lời trình bày là một quá trình phức tạp, nó bị chi phối bởi nhiều yếu tố khách quan, chủ quan.

Với yêu cầu cải cách tư pháp của Nghị quyết số 49/NQ-TW năm 2005 và Hiến pháp năm 2013 về tăng cường tranh tụng, đảm bảo quyền bảo chữa của người bị buộc tội thì chủ thể có quyền thu thập chứng cứ đã được mở rộng. Theo đó, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS năm 2015) quy định người bào chữa cũng có quyền thu thập, cung cấp và sử dụng chứng cứ³ mà không còn gói gọn quyền này cho Cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT) như quy định tại BLTTHS năm 2003⁴.

¹ Thạc sỹ, Luật sư, Giám đốc Công ty Đông Phương Luật.

² Thạc sỹ, Giảng viên chính Cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Tư pháp.

³ Điểm h khoản 1 Điều 73 BLTTHS năm 2015 về quyền của người bào chữa: “Thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu”.

⁴ Điều 64 BLTTHS năm 2003: “Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật này quy định mà Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án”. Như vậy theo quy định này thì chỉ có các chủ thể tiến hành tố tụng trong Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án mới được thu thập chứng cứ.



Nhằm mục đích vận dụng, phát huy mạnh mẽ chức năng bào chữa, một trong ba chức năng cơ bản của tổ tụng hình sự⁵ nói chung và nâng cao nghiệp vụ hành nghề của luật sư nói riêng trong hoạt động thu thập chứng cứ là “*Lời khai, lời trình bày*”, trong phạm vi bài viết, chúng tôi xin bàn luận về thực trạng hoạt động thu thập chứng cứ của người bào chữa với nguồn chứng cứ là “*Lời khai, lời trình bày*”, trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị, đề xuất hướng hoàn thiện để cùng nghiên cứu, trao đổi.

1. Khái niệm, đặc điểm, ý nghĩa của nguồn chứng cứ là lời khai, lời trình bày

Khái niệm nguồn chứng cứ là lời khai, lời trình bày là nơi chứa đựng, cung cấp chứng cứ cho người có thẩm quyền thu thập chứng cứ để giải quyết đúng đắn vụ án hình sự. Chứng cứ và nguồn của chứng cứ có mối liên hệ mật thiết với nhau, trong đó chứng cứ là nội dung phản ánh những thông tin về vụ án còn nguồn của chứng cứ là hình thức chứa đựng những thông tin bên trong nó. Muốn có chứng cứ trước hết phải có nguồn của nó và chỉ những nguồn của chứng cứ được quy định tại khoản 1 Điều 87 BLTTHS năm 2015⁶ mới có thể trở thành chứng cứ có giá trị chứng minh.

Đặc điểm, ý nghĩa *lời khai, lời trình bày* của người làm chứng, bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt, bị tạm giữ, người tố giác, báo tin về tội phạm, người chứng kiến, bị can, bị cáo được xem là nguồn của chứng cứ khi được thực hiện theo đúng quy định từ Điều 91 đến Điều 98 BLTTHS năm 2015 và cần phải đảm bảo đủ ba thuộc tính: tính khách quan, tính liên quan và tính hợp pháp được quy định cụ thể tại Điều 86, Điều 87 BLTTHS năm 2015. Nếu thiếu 1 trong 3 thuộc tính này thì những gì thu thập được không được thừa nhận là chứng cứ và không có giá trị chứng minh.

Không được dùng làm chứng cứ những tình tiết do lời khai của người làm chứng; lời khai của bị hại; lời khai của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày nếu họ không thể nói rõ vì sao biết được tình tiết đó.

Lời nhận tội của bị can, bị cáo chỉ có thể được coi là chứng cứ nếu phù hợp với những chứng cứ khác của vụ án. Đồng thời, không được dùng lời nhận tội của bị can, bị cáo làm chứng cứ duy nhất để buộc tội, kết tội.

2. Quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 về lời khai, lời trình bày và về hình thức thu thập chứng cứ là lời khai, lời trình bày của luật sư

Căn cứ các Điều 91, 92, 93, 94, 95, 96, 97, 98 BLTTHS năm 2015, lời khai, lời trình bày được coi là chứng cứ bao gồm:

- + Lời khai của người làm chứng;
- + Lời khai của bị hại;
- + Lời khai của nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự;
- + Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- + Lời khai của người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người phạm tội tự thú, đầu thú, người bị bắt, bị tạm giữ;
- + Lời khai của người tố giác, báo tin về tội phạm;
- + Lời khai của người chứng kiến;
- + Lời khai của bị can, bị cáo.

BLTTHS năm 2015 mở rộng chủ thể có quyền thu thập chứng cứ, trong đó có người bào chữa chứ không còn là “đặc quyền” của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Toà án. Về hoạt động thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật của người bào chữa, BLTTHS năm 2015 bổ sung quyền thu thập chứng cứ của người bào chữa quy định tại điểm h khoản 1 Điều 73 và Điều 81 và khoản 2 Điều 88. Quy định này chính là cơ sở pháp lý cho người bào chữa có thể tự mình chủ động thu thập chứng cứ là lời khai, lời trình bày.

⁵ Chức năng cơ bản của tổ tụng hình sự: chức năng buộc tội, chức năng bào chữa, và chức năng xét xử.

⁶ Khoản 1 Điều 87 BLTTHS năm 2015: “Chứng cứ được thu thập, xác định từ các nguồn: a) Vật chứng; b) Lời khai, lời trình bày; c) Dữ liệu điện tử; d) Kết luận giám định, định giá tài sản; đ) Biên bản trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; e) Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp và hợp tác quốc tế khác; g) Các tài liệu, đồ vật khác.

Ngoài ra, Điều 26 BLTTHS năm 2015 quy định: “*Trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, đánh giá chứng cứ, đưa ra yêu cầu để làm rõ sự thật khách quan của vụ án...*”. Theo quy định này thì người bào chữa có quyền bình đẳng với người tiến hành tố tụng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật. Đây không chỉ là điều luật quy định về một quyền của người bào chữa mà còn là nguyên tắc cơ bản trong BLTTHS⁷.

So sánh BLTTHS năm 2003 và BLTTHS năm 2015 thì khoản 2 Điều 88 BLTTHS năm 2015 đã bổ sung một điểm mới về cách thức, phương pháp thu thập chứng cứ của người bào chữa để tăng cường tính tranh tụng, cụ thể gồm: *gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa*. Như vậy, việc thu thập chứng cứ là lời khai, lời trình bày của người bào chữa là một hoạt động chứng minh đồng thời với CQTHTT trong quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Với quy định này, BLTTHS năm 2015 đã tạo cơ hội cho người bào chữa trong phạm vi khả năng của mình có thể thu thập chứng cứ qua nhiều “kênh” thông tin khác nhau, dù bất lợi hay có lợi cho người bị buộc tội, chúng đều có những ảnh hưởng nhất định đến hướng bào chữa của người bào chữa⁸. Ngoài ra, điều luật cũng cho phép người bào chữa “*hỏi*” và “*nghe*” họ trình bày các vấn đề liên quan đến vụ án. Có thể thấy, đây là một hình thức thu thập chứng cứ tương tự như hoạt động lấy lời khai. Tuy nhiên, khác với các cơ quan có thẩm

quyền tiến hành tố tụng, hoạt động lấy lời khai được quy định thành một trình tự, thủ tục riêng, còn đối với người bào chữa thì việc thu thập chứng cứ sẽ được tiến hành theo khả năng của họ. Vậy nên để đảm bảo giá trị của chứng cứ, biên bản thu thập chứng cứ cần thể hiện đầy đủ thời gian, địa điểm, họ tên người được hỏi, tư cách trả lời và nội dung mà họ trình bày, phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người cung cấp lời khai.

Hoạt động thu thập chứng cứ là lời khai, lời trình bày của người bào chữa phải được tiến hành nhanh chóng, kịp thời và đầy đủ; không được làm sai lệch, thêm bớt hoặc sửa chữa lời khai, lời trình bày làm ảnh hưởng đến việc xác định sự thật của vụ án.

Để đảm bảo lời khai, lời trình bày sau khi thu thập trở thành nguồn chứng cứ thì người bào chữa phải cung cấp ngay cho CQTHTT có thẩm quyền để tiến hành kiểm tra và đánh giá chứng cứ theo khoản 2 Điều 81 BLTTHS năm 2015: “*Tùy từng giai đoạn tố tụng, khi thu thập được chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa, người bào chữa phải kịp thời giao cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để đưa vào hồ sơ vụ án...*”. Với quy định này, người bào chữa được quyền cũng như phải có nghĩa vụ đưa ra những chứng cứ, tài liệu, đồ vật mà mình thu thập được để đưa vào hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, tại khoản 4 Điều 88 BLTTHS năm 2015 và Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019 cũng quy định về trách nhiệm của CQTHTT trong việc đảm bảo cho người bào chữa thực hiện quyền thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật. Cụ thể, người bào chữa thu thập, đưa ra chứng cứ, tài liệu liên quan đến việc bào chữa và giao cho cơ quan đang thụ lý vụ án thì điều tra viên, cán bộ điều tra phải lập biên bản giao nhận, đưa vào hồ sơ vụ án⁹.

⁷ Điều 9 BLTTHS năm 2015: đảm bảo quyền bình đẳng trước pháp luật.

⁸ Võ Thị Kim Yến (2018), *Hoạt động thu thập chứng cứ của người bào chữa trong luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sỹ luật học, Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, tr.35.

⁹ Điều 15, Thông tư số 46/2019/TT-BCA ngày 10/10/2019.



Một điểm mới quan trọng khác nhằm tăng cường quá trình kiểm tra giám sát của Viện kiểm sát thì tại khoản 5 Điều 88 BLTTHS năm 2015 quy định: trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày lập biên bản về hoạt động điều tra, thu thập, nhận được tài liệu liên quan đến vụ án mà kiểm sát viên không trực tiếp kiểm sát thì Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho Viện kiểm sát để kiểm sát việc lập hồ sơ vụ án. Trường hợp do trở ngại khách quan thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 15 ngày. Trong thời hạn 03 ngày, Viện kiểm sát đóng dấu bút lục và sao lưu biên bản, tài liệu lưu hồ sơ kiểm sát và bàn giao nguyên trạng tài liệu, biên bản đó cho Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Việc giao, nhận tài liệu, biên bản được lập biên bản theo quy định tại Điều 133 của Bộ luật này. Như vậy, có thể hiểu rằng đối với những tài liệu, biên bản ghi lời khai do người bào chữa thu thập sau đó giao nộp cho cơ quan Viện kiểm sát, quá trình giao nhận này có lập biên bản giao nhận đúng quy định tại Điều 133 BLTTHS, được đưa vào hồ sơ vụ án, thì nó có thể trở thành chứng cứ khi được xem xét, kiểm tra, đánh giá, sử dụng để chứng minh các vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án.

Vấn đề cần chú ý là khi giao nộp chứng cứ cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bào chữa cần kiểm tra kỹ nội dung biên bản tiếp nhận chứng cứ có ghi đầy đủ thông tin chứng cứ được giao nộp hay không, số lượng, đặc điểm, người giao nộp, người tiếp nhận, thời gian, địa điểm giao nộp... để tránh việc chứng cứ sau khi được giao nộp bị thất lạc, tiêu hủy.

3. Kỹ năng thu thập chứng cứ là lời khai, lời trình bày của người bào chữa

3.1. Phương pháp thu thập chứng cứ

Có 02 cách thức thu thập chứng cứ nhằm chứng minh: thu thập chủ động (khoản 1, 2 Điều 88 BLTTHS) và thu thập thụ động (khoản 3,4 Điều 88 BLTTHS).

Khoản 2 Điều 88 BLTTHS quy định: “*Để*

thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử liên quan đến việc bào chữa”. Do vậy khi tiến hành hỏi để thu thập chứng cứ người bào chữa cần chú ý đến trình độ nhận thức, tâm lý, lợi ích của người được hỏi. Người bào chữa cần đặt câu hỏi phù hợp với trình độ hiểu biết của người được hỏi, diễn đạt ngắn gọn, tránh “mớm” nội dung trả lời, tránh gây tổn thương người được hỏi và có thái độ chia sẻ, tôn trọng người được hỏi. Nếu người được hỏi như người làm chứng từ chối trả lời thì cần động viên, giải thích, thuyết phục họ hợp tác, không được mua chuộc, ép buộc họ trả lời vì đó là vi phạm pháp luật trong lĩnh vực tư pháp. Trước khi tiến hành hỏi, luật sư cần phải xác định mục đích hỏi nhằm để làm rõ vấn đề gì? Có lợi cho thân chủ hay không? Từ đó xây dựng kế hoạch hỏi chi tiết, rõ ràng. Nếu việc hỏi nhằm thu thập, bổ sung chứng cứ mới hoặc kiểm tra chứng cứ cũ cũng cần dự liệu phương án trả lời sao cho có lợi cho thân chủ, tránh việc hỏi mà chứng cứ thu thập được bất lợi thêm cho thân chủ.

Để phát hiện chứng cứ và thu thập chứng cứ kịp thời, luật sư nên chủ động tiếp cận nhanh chóng, kịp thời những nguồn chứng cứ ban đầu, tham gia vào các buổi lấy lời khai, hỏi cung để nắm bắt thông tin ban đầu về vụ án và định hướng thu thập chứng cứ.

Khi tiến hành thu thập nguồn chứng cứ là lời khai luật sư cần chú ý lập biên bản ghi rõ thời gian bắt đầu khi nào? Thời gian kết thúc việc ghi lời khai? Nội dung hỏi của luật sư và nội dung trả lời của đương sự trình bày? Kể cả việc sửa chữa, tẩy xóa, thêm bớt nội dung trình bày phải được hai bên ký xác nhận. Nếu người trình bày lời khai không biết chữ thì sau khi ghi biên bản xong luật sư cần đọc lại cho họ nghe, cho họ điền chỉ vào biên bản và cần có người chứng kiến ký xác nhận biên bản. Trường hợp người trình bày là người có nhược điểm về tâm

thần, thể chất (bị cảm, điếc) thì luật sư cần mời người đại diện, người phiên dịch cho họ, kết thúc việc ghi biên bản, người đại diện, người phiên dịch phải ký xác nhận vào biên bản đó.

Để bảo đảm tính khách quan của chứng cứ do luật sư thu thập trong điều kiện BLTTHS không quy định cụ thể thủ tục thu thập chứng cứ do người bào chữa tiến hành thì luật sư cần chú ý ghi chú rõ xuất xứ và bối cảnh chứng cứ thu thập được (thu thập cái gì được mô tả rõ ràng, ở đâu, của ai, thời điểm nào, có người chứng kiến, có xác nhận...).

Cần lưu ý khi thu thập nguồn chứng cứ là lời khai hoặc các nguồn chứng cứ khác, luật sư có thể sử dụng các phương tiện kỹ thuật công nghệ như ghi âm, ghi hình, chụp ảnh, lưu trữ để bảo đảm tính toàn vẹn về nội dung của lời khai, lời trình bày; đồng thời có thể sao chép, nhân bản khi thấy cần thiết và đề phòng chứng cứ bị thất lạc, bị tiêu hủy.

3.2. Phạm vi thu thập chứng cứ

Luật sư phải ý thức rằng ngoài những gì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập được, có trong hồ sơ vụ án thì luật sư cần thu thập bổ sung những chứng cứ từ các nguồn chứng cứ khác chưa được cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập. Một lý do đơn giản là ở giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, hoạt động buộc tội được tiến hành tích cực sau khi vụ án được khởi tố, vì vậy cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng ưu tiên thu thập chứng cứ đủ để buộc tội chứ không phải đủ để bào chữa. Để bảo đảm chứng cứ cho hoạt động bào chữa, luật sư cần tích cực phát hiện thêm chứng cứ từ những nguồn chứng cứ khác có lợi cho hoạt động bào chữa. Nếu luật sư chỉ dựa vào việc nghiên cứu hồ sơ do Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát thiết lập, rồi thực hiện việc kiểm tra, đánh giá chứng cứ có sẵn, trong nhiều trường hợp sẽ là không đủ các chứng cứ để bào chữa một cách hiệu quả.

4. Thực trạng hoạt động thu thập nguồn chứng cứ là lời khai, lời trình bày của luật sư

Với quy định về quyền của luật sư tại điểm b, khoản 1, Điều 87 và khoản 2, Điều 88 BLTTHS năm 2015 trong việc thu thập nguồn chứng cứ là lời khai, lời trình bày của người bị

buộc tội và đương sự có thể khẳng định là rất có giá trị thực tiễn trong hoạt động của nghề luật sư. Có thể thấy đây là một hoạt động sôi nổi, nhiều ý nghĩa làm tăng giá trị hành nghề của luật sư. Quy định này đã cởi trói mạnh mẽ cho hoạt động hành nghề luật sư trong việc thu thập chứng cứ, là chìa khóa cho việc tăng cường tính tranh tụng trong hoạt động chứng minh tội phạm chung. Quy định quyền thu thập chứng cứ của luật sư còn mở rộng bằng việc trao quyền được gặp cả những người khác biệt về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án đã tạo điều kiện để luật sư hoạt động hành nghề sâu về chất hơn. Bởi “người khác biệt về vụ án” là những đối tượng không phải là thân chủ của luật sư nên đây sẽ là điều kiện thuận lợi để luật sư thực hiện việc lấy lời khai, lời trình bày rất hữu ích cho việc bào chữa mà mình đang nhận lãnh. Điều này khẳng định, các tài liệu mà luật sư thu thập được với các đối tượng này có giá trị là nguồn chứng cứ để từ đó trở thành chứng cứ khi được các cơ quan tố tụng có thẩm quyền quyết định sử dụng.

Xin nêu một ví dụ thực tế hoạt động thu thập chứng cứ là lời khai, lời trình bày của bị hại trong vụ án hình sự mà tác giả bài viết này thực hiện với tư cách là luật sư bào chữa đã có tác dụng quyết định được hướng giải quyết một vụ án về lừa đảo chiếm đoạt tài sản chuyển thành vụ án sử dụng tài sản trái phép. Vụ án: Đặng Trần Hoàng, Đặng Thị Ngọc Lan (Thành phố Hồ Chí Minh) bị truy tố về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại Nguyễn Trường Sơn hơn 16 tỷ đồng. Trong quá trình làm việc với bị hại Sơn, luật sư được nghe Sơn thuật ra nội dung trong hồ sơ vay vốn tại Agribank chi nhánh Xuyên Á (Củ Chi) có sử dụng chứng từ mua bán hàng hóa của Công ty Gia Hòa (Công ty của bị cáo) để lập phương án kinh doanh, phương án trả nợ cho khoản vay mà Sơn vay xong giao cho Hoàng kinh doanh nhưng thể hiện dưới hình thức thanh toán tiền mua hàng hóa. Từ nội dung này, luật sư đã lập văn bản về lời trình bày này và gửi đến Tòa để yêu cầu trả hồ sơ điều tra bổ sung làm rõ bộ hồ sơ tín dụng vay vốn của Sơn để bổ sung vốn kinh doanh cho Công ty Sơn Nguyễn (Công ty của



Sơn là chủ sở hữu) có hay không có nội dung mục đích vay vốn để mua hàng hóa của Công ty Gia Hòa nhưng thực chất là việc góp vốn kinh doanh, cố định lợi nhuận hay đúng bản chất là việc cho vay bởi không có việc luân chuyển hàng hóa giữa 2 công ty dù hóa đơn, chứng từ là lưu chuyên. Từ cơ sở này chứng minh được, giao dịch giữa 2 bên là việc vay mượn nợ để Hoàng kinh doanh nhưng do thua lỗ nên chưa hoàn lại vốn chứ không phải lừa đảo. Như vậy, từ sự nhạy bén của luật sư khi phát hiện ra chi tiết trong quá trình trao đổi đã biến thành tài liệu quan trọng - lời trình bày của bị hại để làm sáng tỏ vụ án theo hướng đúng sự thật khách quan, gỡ tội cho bản án 14 năm trước đây (xử sơ thẩm lần 1) đối với thân chủ.

BLTTHS năm 2015 quy định cho phép luật sư được tham gia vào vụ án từ giai đoạn rất sớm, có thể là khi vụ án chưa được khởi tố, khi thân chủ chưa là bị can, bị cáo. Sau đó khi họ đã là bị can, bị cáo thì luật sư lại tiếp tục được gặp, hỏi thì những lời trình bày của thân chủ trong từng giai đoạn tố tụng đều mang giá trị chứng minh rất lớn, trở thành nguồn chứng cứ nhằm hỗ trợ cho việc bào chữa, đảm bảo quyền bào chữa, gỡ tội. Vấn đề đặt ra là khả năng thực hiện các quyền này của luật sư rất khác nhau và đấu tranh cho được để thực hiện các quy định của pháp luật về quyền của người bào chữa trong hoạt động thu thập lời khai, lời trình bày như BLTTHS năm 2015 quy định là không hề dễ dàng.

Theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 73 BLTTHS thì người bào chữa có quyền gặp, hỏi thân chủ là người bị buộc tội (người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo - Điều 4 BLTTHS năm 2015), tuy nhiên trên thực tế việc luật sư gặp, hỏi người bị buộc tội và ghi chép lại các nội dung hỏi này nhằm biến thành nguồn chứng cứ gặp nhiều khó khăn, cản trở, cụ thể:

Đầu tiên là thời gian luật sư được tiếp xúc với thân chủ là rất hạn chế. Những người có thẩm quyền, có chức năng nhất định (như cán bộ điều tra, điều tra viên, quản giáo, giám thị trại, cán bộ dẫn giải, cán bộ nhà tạm giữ/trại tạm giam) sẽ luôn luôn có lý do để không cho hoặc giới hạn việc tiếp xúc của luật sư với thân

chủ là người bị buộc tội bằng nhiều lý do rất “hợp lý”, có thể là hết giờ làm việc, thời gian làm việc còn lại ngắn, họ đang bị kỷ luật, họ đang bận việc khác...

Tiếp theo, pháp luật quy định chỉ nêu luật sư được quyền “gặp, hỏi người bị buộc tội” nhưng không quy định rõ quyền được hỏi của luật sư trong phạm vi, nội dung gì, mà hoàn toàn phụ thuộc vào sự giám sát và cho phép của người có thẩm quyền thời điểm đó, hay thẳng thắn hơn đó chính là sự hạn chế về nội dung trao đổi của luật sư với thân chủ... Vì vậy quy định này dễ mang ý nghĩa hình thức.

Sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung kết thúc, luật sư có quyền hỏi người bị bắt, bị tạm giữ, bị can (điểm b, khoản 1, Điều 73 BLTTHS) là một chế định mới không thuộc trường hợp luật sư hỏi trong buổi lấy lời khai, hỏi cung của điều tra viên nhưng chỉ cần một quy định tự đặt của điều tra viên là luật sư phải ghi ra giấy (văn bản) các nội dung trao đổi để họ đọc trước và cho phép thì mới được hỏi đã cản trở hoạt động của luật sư. Chỉ những luật sư có “bản lĩnh” nắm đầy đủ, vững chắc các quy định của pháp luật và trình bày thật tốt, thì mới thuyết phục được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng “mở cửa” cho việc thực hiện quyền bào chữa này của mình. Ngược lại, luật sư nào chưa nắm vững quy định hay vì nể nang, ngại va chạm thì gần như không thể thực hiện được quyền cơ bản nhưng rất quan trọng này để bào chữa cho thân chủ của mình.

Đối với lời trình bày của những đối tượng không phải là thân chủ của luật sư như người chứng kiến, người làm chứng, bị can, bị cáo khác không phải là thân chủ của luật sư, thì hoạt động thu thập lời khai, lời trình bày của những người này sẽ là một công việc vô cùng khó khăn, có khi không thể vượt qua được. Khoản 2, Điều 88 BLTTHS năm 2015 quy định luật sư được quyền gặp những người này để nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án nhưng không hề quy định thủ tục thu thập ra sao. Trong khi ngay trước đó, ở khoản 1 Điều 88 thì quy định rõ ràng với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng “có quyền tiến hành hoạt động

thu thập chứng cứ theo quy định của bộ luật này” (tức áp dụng Điều 183, 184 BLTTHS năm 2015 để hỏi cung bị can và áp dụng Điều 186, 187, 188 để lấy lời khai bị hại, người làm chứng, đương sự). Tất nhiên quy định khác nhau nên giá trị tài liệu thu thập của hai bên sẽ khác nhau. Các tài liệu của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng sẽ trở thành chứng cứ ngay nếu không vi phạm các điều cấm còn nội dung ghi chép sự trình bày, lời khai của luật sư phải vô cùng gian nan thì mới được đưa vào thành nguồn của chứng cứ rồi qua quá trình đánh giá của cơ quan có thẩm quyền tố tụng mới trở thành chứng cứ. Với quy trình nhiều khâu ấy thì lượng tài liệu thu thập là lời khai, lời trình bày của luật sư có cơ hội trở thành chứng cứ là tối thiểu, thậm chí nhiều trường hợp là không thể. Vì vậy, dù quy định của pháp luật tố tụng hình sự về vấn đề nêu trên đã có sự tiến bộ nhất định, nhưng để áp dụng trong thực tiễn lại đang gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại đối với các luật sư.

5. Kiến nghị và giải pháp

Để hoạt động thu thập chứng cứ của luật sư với nguồn chứng cứ là lời khai, lời trình bày của người bị buộc tội và đương sự trong vụ án hình sự được hiệu quả, nâng cao giá trị bào chữa thông qua hoạt động hành nghề của luật sư, cần thực hiện và giải quyết các vấn đề như sau:

Luật sư cần nâng cao trình độ, kỹ năng, khả năng nắm vững, sâu sắc các quy định của pháp luật tố tụng hình sự, phối hợp nhuần nhuyễn quy định pháp luật với các tình huống thực tế để có thể áp dụng pháp luật một cách chính xác.

Bên cạnh việc nâng cao bản lĩnh của luật sư tranh tụng hình sự với phẩm chất dũng cảm, kiên trì và quyết liệt đấu tranh trong việc áp dụng đúng, đủ các quyền mà pháp luật hình sự đã quy định nhằm đảm bảo thực hiện tốt quyền bào chữa của mình, thì Đoàn luật sư cũng cần thường xuyên mở các lớp tập huấn về hoạt động thu thập nguồn chứng cứ là lời khai, lời trình bày của các đương sự cho các luật sư.

Liên đoàn Luật sư Việt Nam quy định về các loại biểu mẫu cụ thể, thống nhất trong hoạt động thu thập lời khai, lời trình bày của các đương sự để luật sư thực hiện.

Cần có hướng dẫn dưới luật trong chế định về quyền thu thập chứng cứ là lời khai, lời trình bày tại điểm b, khoản 1, Điều 87 và khoản 2, Điều 88 BLTTHS năm 2015 của người bào chữa thật cụ thể về trình tự, thủ tục để các tài liệu này trở thành chứng cứ tương đương với quy định của các cơ quan có thẩm quyền tố tụng.

Cần sửa đổi BLTTHS năm 2015, bổ sung quy định cụ thể nghĩa vụ của những người tiến hành tố tụng để đảm bảo quyền được gặp, hỏi người bị buộc tội theo điểm a và b, khoản 1, Điều 73 của luật sư.

Liên đoàn Luật sư Việt Nam ký kết các quy chế phối hợp, hoặc thông tư liên tịch với các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để thực hiện thống nhất các quy định về quyền của luật sư: “Gặp, hỏi người bị buộc tội”, “Gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án...”.

Thu thập chứng cứ của luật sư với nguồn chứng cứ là lời khai, lời trình bày là hoạt động vô cùng quan trọng và có giá trị của hoạt động bào chữa để tăng cường tính tranh tụng trong quá trình chứng minh tội phạm, bào chữa, bảo vệ cho người bị buộc tội mà luật sư rất cần quan tâm. Pháp luật tố tụng hình sự của nước ta đã thay đổi rất lớn trong lần sửa đổi BLTTHS năm 2015, các quyền liên quan đến hoạt động bào chữa đã được đề cao và gia tăng đáng kể. Luật sư cần tận dụng tối đa các quyền đã được minh định trong luật, khai thác triệt để các quy định này nhằm bào chữa, bảo vệ tốt nhất cho thân chủ mà vẫn đảm bảo được pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Chỉ có thực hiện đúng và khai thác tối đa các quy định của pháp luật và kiên trì, quyết liệt đấu tranh để pháp luật được thực thi thì mới chứng minh được tính ưu việt của bản chất Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong việc đề cao quyền con người./.